

## Quan niệm của Nguyễn Văn Xuân về thực học, giáo dục toàn diện

**Vũ Đình Anh**

*Học viện Chính trị khu vực III*

*Email liên hệ: vudinhanhv3@gmail.com*

**Tóm tắt:** Nguyễn Văn Xuân là học giả, nhà văn và nhà giáo xứ Quảng. Trong nhiều công trình của mình, ông đã thể hiện tinh thần đề cao thực học và giáo dục toàn diện, phê phán lối học xa rời thực tế, “học để làm quan”. Ông khẳng định phong trào Duy Tân tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh vì thực học và giáo dục toàn diện. Ông phê phán biểu tượng đồ đạc “Ngũ Phụng Tề Phi” của xứ Quảng vì họ yên tâm hưởng phú quý trong giai đoạn Pháp đã chiếm Nam Kỳ. Nguyễn Văn Xuân cũng phê phán nền giáo dục miền Nam giai đoạn 1954-1975 vì thiếu tính toàn diện. Đó là những luận điểm có ý nghĩa trong công cuộc chấn hưng giáo dục hiện nay. Qua đó, chúng ta hiểu thêm một học giả uyên bác, có tư duy phản biện sắc sảo và luôn mong muốn đổi mới để đưa đất nước phát triển.

**Từ khóa:** Nguyễn Văn Xuân; Thực học; Giáo dục toàn diện; Giáo dục nghệ thuật; Kịch

**Abstract:** Nguyen Van Xuan was a scholar, a literature writer, and a teacher in the land of Quang (Quang Nam province). Through many of his works, he gave prominence to the practical and holistic education; criticized the learning style disconnected from reality and “studying to become a bureaucrat”. He affirmed Duy Tan Movement as a spiritual symbol of the struggle for practical learning and holistic education. He criticized the achievement symbol - “Ngu Phung Te Phi” of Quang Nam (the five phoenixes flying together, representing 5 famous scholars from Quang Nam province who passed the university examination in 1898) because this symbolization promoted working as a bureaucrat to enjoy the wealth during the period of French occupation in the South of Vietnam. Scholar Nguyen Van Xuan also criticized the education in South of Vietnam in the period 1954 - 1975 for the incomprehensive education. Those are the meaningful viewpoints for the educational revival today. Thereby, we understand one more scholar – who has a sharp and critical thinking and always desires to innnovate the country for development.

**Keywords:** Nguyen Van Xuan; Practical learning; Holistic education; Art education; Drama.

**Ngày nhận bài:** 30/8/2019

**Ngày duyệt đăng:** 25/10/2019

### 1. Đặt vấn đề

Nguyễn Văn Xuân (1921-2007) vừa là nhà văn, nhà nghiên cứu và là nhà giáo xứ Quảng. Ông có vốn Hán - Nôm cổ, thông thạo tiếng Pháp, sử dụng được tiếng Nhật. Ông viết nhiều đề tài, song mối quan tâm thường trực là về con người, văn hóa, lịch sử quê hương xứ Quảng, nên được mọi người gọi một cách trìu mến là “nhà Quảng Nam học”, “nhà Quảng học”. Những tác

phẩm chính mà Nguyễn Văn Xuân để lại đã khẳng định sự đóng góp lớn cả trong sáng tác văn học (2 tập truyện ngắn: *Dịch cát* - 1966 và *Hương máu* - 1969; 2 tiểu thuyết: *Bão rừng* - 1957, *Kỳ nữ họ Tống* - 2002) và trong nghiên cứu, biên khảo (*Khi những lưu dân trở lại* - 1967, *Phong trào Duy Tân* - 1970, *Chinh Phụ Ngâm diễn âm tân khúc* - 1971). Mới đây nhất, tháng 4/2019, bộ *Nguyễn Văn Xuân toàn tập* gồm 7 tập với khoảng hơn 3.700 trang của Nhà xuất bản Hội Nhà văn đã tập hợp phần lớn tác phẩm của ông. Trong bài giới thiệu *Về tác giả Nguyễn Văn Xuân*, nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân đã khẳng định đóng góp của Nguyễn Văn Xuân ở ba phương diện: “tác gia truyện hư cấu”, “học giả”, “sử gia” và “đều là những di sản quý, có ích cho chúng ta, cho hậu thế. Trong di sản đó chứa đựng rất nhiều tình yêu đối với con người và xứ sở mình, chứa đựng rất nhiều tài liệu, dữ liệu về lịch sử, văn hóa, con người của xứ Quảng, của Đảng Trong, của đất Việt và người Việt chúng ta” (Lại Nguyên Ân, 2019).

Trong “những di sản quý” của Nguyễn Văn Xuân để lại, người viết ấn tượng với tinh thần đề cao thực học và giáo dục toàn diện. Điều này được ông thể hiện rõ trong *Phong trào Duy Tân* - một công trình công phu, tâm huyết mà sinh thời tác giả tâm đắc. Bên cạnh đó, còn nhiều bài viết khác liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp như: *Từ ngũ phụng tể phi đến ngũ phụng bất tể phi*; *Một thiếu sót lớn trong giáo dục Việt Nam: giáo dục kịch nghệ*; *Vì sao đại học Việt Nam từ xưa nay ít tham dự vào sự thành công của văn học Việt Nam*; *Bàn về đại học cộng đồng*; *Nhìn lại giáo dục tiểu học đầu thế kỷ XX...* Nghiên cứu này tập trung làm rõ những luận điểm chính của Nguyễn Văn Xuân về đề cao thực học, giáo dục toàn diện và khẳng định những giá trị, ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

Thực học và giáo dục toàn diện không phải là vấn đề mới trong học giới, tuy nhiên Nguyễn Văn Xuân đã thể hiện rõ tinh thần đề cao tư tưởng, quan điểm giáo dục tiến bộ này từ rất sớm (những năm 60, 70 của thế kỷ XX). Đặc biệt, ông phân tích khá sâu sắc về vai trò, tác động của bộ môn kịch nghệ trong giáo dục toàn diện mà nhà trường phổ thông ở Việt Nam chưa có điều kiện cũng như chưa quan tâm thực hiện. Trong khi các nước tiên tiến rất quan tâm và đã trở thành bộ môn phổ biến ở cấp học phổ thông từ rất lâu. Do vậy, tư tưởng này “vẫn còn nguyên ý nghĩa đối với giáo dục hiện nay” (Lại Nguyên Ân, 2019). Không chỉ vậy, ông còn nhìn nhận lại quá khứ, đánh giá lại truyền thống “Ngũ phụng tể phi” để nhắc nhở dân Việt, quan Việt nên từ bỏ tập quán, thói quen cũ đã lỗi thời, chỉ gìn giữ những truyền thống có giá trị, mà cốt yếu hơn là tạo nên “các giá trị mới trở thành truyền thống mới để phát triển” (Nguyễn Văn Xuân, 2010). Nghiên cứu này giúp hiểu rõ thêm về một học giả uyên bác, có tư duy phản biện sắc sảo và luôn mong muốn đổi mới để đưa đất nước phát triển.

## **2. Quan niệm về thực học và giáo dục toàn diện của Nguyễn Văn Xuân**

### **2.1. Quan niệm đề cao thực học**

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề thực học, chúng tôi thống nhất với khái niệm của Đoàn Lê Giang (2016) rằng: “Thực học, về nghĩa rộng, là cái học xuất phát từ việc tìm hiểu tự nhiên, xã hội và con người, rồi từ đó có thể ứng dụng được vào đời sống, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người”. Đây là xu hướng giáo dục xuất hiện từ thế kỷ XVIII ở Nhật Bản, sau đó trở thành phong trào rộng lớn ở các nước khu vực Đông Á trong thế kỷ XIX. Phong trào này chống lại lối học từ chương, giáo điều, xa rời thực tế; đã đóng góp to lớn vào công cuộc khai hóa, canh tân và phát triển của nhiều quốc gia, tiêu biểu nhất là Nhật Bản.

Ở Việt Nam, vấn đề thực học đã được đặt ra từ thế kỷ XIX, Nguyễn Trường Tộ được coi là nhà thực học đầu tiên. Tuy nhiên, tinh thần thực học được thể hiện và triển khai trên thực tế rõ nhất qua phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục ở đầu thế kỷ XX. Sau phong trào này, nền giáo dục Việt Nam bị chi phối bởi chế độ Pháp thuộc, sau 1945 lại bị chi phối bởi cuộc chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ... Trong thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay, giáo dục - đào tạo nhận được sự quan tâm của toàn xã hội, thường xuyên được đổi mới về nội dung, chương trình, điều kiện dạy và học ngày càng đáp ứng tốt yêu cầu. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh lịch sử đương thời, "trường Đông Kinh Nghĩa Thục cho đến nay là ngôi trường có tư tưởng giáo dục hay nhất", "Tinh thần thực học của các phong trào ấy đến nay vẫn còn nguyên giá trị" (Đoàn Lê Giang, 2016).

Quan điểm đề cao thực học được Nguyễn Văn Xuân thể hiện rõ trong công trình nghiên cứu công phu về phong trào Duy Tân. Ông cho rằng, biểu hiện đầu tiên của đề cao thực học chính là phủ nhận, phê phán lối học từ chương, khoa bảng, "học để làm quan". Lối học này đã kéo dài cả ngàn năm thời phong kiến Việt Nam, đến đầu thế kỷ XX đã không còn phù hợp. Bởi "Cái học của ta xưa nặng từ chương, không để ý gì đến các hoạt động khác như kinh tế, thương mại. Do đó, sĩ phu ta tự cách biệt hẳn với đời sống xã hội và nước ta cứ nghèo mãi" (Nguyễn Văn Xuân, 1970). Vì vậy, nhiều trí thức nho học đã tự thức tỉnh đi theo con đường "Tân học". Có thể thấy, để mọi người theo "Tân học" thì phải phủ nhận "Cựu học". Ở thời điểm đó, muốn phủ nhận "Cựu học" không dễ dàng gì, bởi đa số sĩ phu cho rằng, sách của "cổ nhân gần như là chân lý", khi nghe "Khổng viết" thì chỉ biết cúi đầu tâm đắc. Điều đó đã thành nếp nghĩ phổ biến, thành định kiến, tập tục trong đời sống văn hóa, xã hội. Vì vậy, các lãnh đạo của phong trào Duy Tân phải bỏ rất nhiều công sức để tuyên truyền, thuyết phục mọi người "bớt tin đạo lý thánh hiền". Trong đó, "Người hăng hái nhất vẫn là Phan Châu Trinh. Các sĩ phu cũng bắt đầu tấn công cổ nhân, do đó gây nên một sự tách biệt mới mẻ giữa đám bảo thủ và tân nhân vật" (Nguyễn Văn Xuân, 1970).

Để mọi người tin tưởng và làm theo, chính các lãnh đạo của phong trào Duy Tân dù là người đỗ đạt, có bằng cấp, thậm chí có chức tước, phẩm hàm, song họ sẵn sàng từ bỏ. Lý luận của các ông đưa ra có cơ sở để thuyết phục những người khác trong bối cảnh lịch sử hiện tại, đó là triều đình nhà Nguyễn khi ấy đã lệ thuộc vào thực dân Pháp, nên làm quan thời ấy cũng chỉ là tay sai cho thực dân Pháp. Điều này đã đánh trúng vào lương tri, trách nhiệm, lòng yêu nước của dân Việt, nên phong trào được nhiều người ủng hộ. Các ông cho rằng, "Cựu học" là con đường học vấn sai, mà "Học đã sai thì còn mong gì mở mặt non sông mà chỉ chìm thêm non sông vào bóng đêm những trang thảm sử!" (Nguyễn Văn Xuân, 1970).

Nguyễn Văn Xuân cho rằng, song song với việc phủ nhận "Cựu học" thì các lãnh đạo phong trào phải mở ra một con đường đúng đắn, đó là: "Trước tiên phải đặt vấn đề *chánh giáo* tức là một nền giáo dục đúng, hợp tình, hợp lý và toàn diện để đào tạo những con người, những bậc anh hùng" (Nguyễn Văn Xuân, 1970). "Chánh giáo" chính là phải dạy chữ Quốc ngữ dù biết rằng "vẫn còn các khuyết và nhược điểm trầm trọng", nhưng chỉ có thứ chữ "đơn giản" này mới thuận lợi "quảng bá cho đại chúng". Khi mọi người đã biết chữ Quốc ngữ thì phải "truyền bá Tân Thư"; hô hào phát triển nông, công, thương; diễn thuyết về "nhân quyền, tự lực, tự cường". Đồng thời vì sách của nền "Cựu học" quá thiếu sót nên họ phải dịch các sách Âu Mỹ, Trung Hoa, sách khoa học, kỹ thuật, triết học.

Theo Nguyễn Văn Xuân, công lao của các sĩ phu yêu nước lãnh đạo phong trào Duy Tân là hết sức to lớn. Bởi trong bối cảnh đầu thế kỷ XX, chế độ thi cử Hán học vẫn còn duy trì, ước mơ đỗ đạt, làm quan vẫn còn là niềm khát khao của khá đông sĩ tử. Vậy mà các sĩ phu đã vận động, thuyết phục và đẩy lên phong trào rộng lớn, mở đầu ở Quảng Nam rồi lan ra khắp miền Trung, ra Bắc, vào Nam thì công sức, tài năng, uy tín của các ông là vô cùng lớn. Điều quan trọng nhất của phong trào là đã thay đổi được quan niệm về sự học: học không thi, học để biết. Rằng “Học Duy Tân rốt lại chỉ là học để biết, để mở mang trí não, để có những kiến thức mới. Có lẽ đó là lối học đúng đắn nhất từ xưa ở nước ta chăng?” (Nguyễn Văn Xuân, 1970).

Bên cạnh việc đề cao thực học trong *Phong trào Duy Tân*, Nguyễn Văn Xuân đã thể hiện tinh thần khách quan, công tâm, sắc sảo trong tư duy phản biện, đã phê phán biểu tượng của vùng đất học quê hương xứ Quảng “Ngũ phụng tể phi”. Tất nhiên, ông phê phán nhằm đề cao thực học. Về danh xưng “Ngũ phụng tể phi”, điều này hoàn toàn chính xác bởi khóa thi Hội năm 1898, “thí sinh xứ Quảng đỗ luôn - một lúc những 3 tiến sĩ và 2 phó bảng” (3 tiến sĩ là Phạm Liệu, Phan Quang, Phạm Tuấn; 2 phó bảng là Ngô Chuân, Dương Hiến Tiến). Sau đó, được Tổng đốc Đào Tấn cho “thêu 5 con phượng trên một tấm trướng lớn” để đi chào mừng. Theo Nguyễn Văn Xuân, nếu sự việc chỉ dừng lại ở đó, coi “Ngũ phụng tể phi” là dấu son trong thi cử thì không phải phàn nàn. Song điều nguy hại chính là cách gọi *Ngũ phụng tể phi* đã ăn sâu vào trí não của các tầng lớp nhân dân, khiến danh xưng đó “lâu dần trở thành một thứ huy hiệu cho nhân tài đất Quảng. (...) lâu ngày biến thành thực tại, một chân lý không bàn cãi: hễ học mà đỗ là đạt được mục đích của học vấn... Bằng cấp là mục đích và bằng cấp càng cao là đạt được mục đích lớn” (Nguyễn Văn Xuân, 2011). Nguyễn Văn Xuân không đồng tình với mục đích đó của sự học. Ông phê phán mục đích học chỉ nhằm đỗ đạt để có bằng cấp cao, để kiếm chức tước, địa vị mà không giúp ích cho sự phát triển của đất nước. Ông khẳng định, lối học “từ chương biến người học thi thành *những con vẹt, con mọt vĩ đại nhai nuốt hàng loạt cuốn sách để chiếm cho được một mảnh bằng không thực tế, không ứng dụng được trong thế giới muốn phát triển*” (Nguyễn Văn Xuân, 2011).

Nguyễn Văn Xuân đánh giá công danh, sự nghiệp của “Ngũ phụng tể phi” cũng chỉ là đỗ đạt và làm quan, không có thành tựu gì lưu lại hậu thế. Ngay cả “sở trường của họ về văn học” cũng không thấy ai nhắc đến. Ấy vậy mà khi nói về “vùng đất địa linh nhân kiệt” xứ Quảng, ai cũng nhắc tới “Ngũ phụng”. Chính vì vậy, ông cho rằng “Ngũ phụng tể phi” có danh xưng cao quý như vậy chưa thật xứng đáng. Bởi “người ta tôn vinh họ, tôn vinh sự đỗ đạt của năm người một lúc, nặng về lượng, về thành tựu, về khoa trương” (Nguyễn Văn Xuân, 2011). Và Nguyễn Văn Xuân còn chỉ ra một điểm mà “Ngũ phụng” nên cảm thấy tự hổ thẹn. Rằng “Ác thay”, họ đỗ đạt và yên tâm làm quan để hưởng phú quý “trong giai đoạn Pháp đã chiếm Nam Kỳ” thì phỏng có ích gì cho dân tộc.

Nguyễn Văn Xuân phê phán một tượng đài chưa thật xứng đáng để xây dựng một tượng đài khác xứng đáng lưu danh hậu thế. Mà theo cách ông gọi là “*Ngũ phụng bất tể phi*”, tức là năm con phụng không bay một lần. Dù họ không đỗ đạt cùng một lần nhưng quan trọng là cùng ở Quảng Nam trong giai đoạn với “Ngũ phụng tể phi”, tức cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Điểm mấu chốt chính là *sự học vấn, giáo dục, tài năng của họ dùng để dựng nước, để giữ nước, họ “xứng đáng làm gương cho hậu thế về mọi mặt*”. “Ngũ phụng” mới do Nguyễn Văn Xuân đề xuất chính là: thứ nhất, “Phan Châu Trinh là con phượng dẫn đầu, danh lưu hậu thế, tên tuổi

gắn liền với phong trào Duy tân và Dân quyền”; thứ hai, “Trần Quý Cáp bị chém oanh liệt tại một vùng gần Nha Trang năm 1918 vì đã gieo giắc sâu sắc mãnh liệt tư tưởng dân chủ, dân quyền, tân học”; thứ ba, “Huỳnh Thúc Kháng (...) phần lớn tuổi trẻ đã dành cho tù ngục Côn Lôn (...) và chủ báo Tiếng Dân”; thứ tư, “Phạm Phú Thứ, một nhà hoạt động kinh tế, thương mại lớn (...) và mở đầu tư tưởng Duy Tân bằng hàng loạt sách khoa học kỹ thuật”; thứ năm, “Phạm Như Xương dám vất bỏ bằng cấp cao trọng và quan chức lớn để theo Nghĩa hội và sau đó làm chỗ dựa tinh thần cho phái Đông du” (Nguyễn Văn Xuân, 2011).

## **2.2. Quan niệm về giáo dục toàn diện**

Bài viết quan niệm giáo dục toàn diện là nền giáo dục hướng tới sự hình thành và phát triển toàn diện, tất cả các mặt, các phẩm chất của người học. Khi đề cập đến giáo dục toàn diện, nhiều nhà nghiên cứu đề cập 4 mặt giáo dục: đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ. Song hiện nay, một số nhà nghiên cứu quan niệm gồm 5 mặt: đạo đức, trí tuệ, thể chất, lao động, thẩm mỹ (Đặng Thị Mỹ Phương và Trịnh Huệ Mẫn, 2018). Thực ra, hai cách tiếp cận trên không khác nhau về bản chất, mà là nhấn mạnh khía cạnh giáo dục lao động, bởi kỹ năng lao động thường được coi là khía cạnh trong giáo dục trí tuệ. Nghiên cứu này đồng quan điểm giáo dục toàn diện gồm 5 mặt cơ bản, rằng nên nhấn mạnh, tách riêng giáo dục lao động để được mọi người quan tâm, chú ý hơn. Tuy nhiên, 5 mặt giáo dục trên không tách rời, mà gắn bó với nhau chặt chẽ, luôn hòa quyện, tương hỗ góp phần hình thành con người toàn diện.

Khi bàn về giáo dục toàn diện, công trình *Phong trào Duy Tân* của học giả xứ Quảng Nguyễn Văn Xuân cũng chú ý nội dung này. Đánh giá tổng quát về phong trào, Nguyễn Văn Xuân cho rằng trước năm 1945: “chưa có tổ chức nào hơn nó về phương diện đại vận động Tân văn hóa, tân sinh hoạt phát triển toàn diện giáo dục, nông, công, thương” (Nguyễn Văn Xuân, 1970). Ông nhấn mạnh các phương diện giáo dục toàn diện của phong trào Duy Tân, rằng “Dẫu còn hết sức ấu trĩ, nhưng tổng chi, việc học của Duy Tân cũng chú trọng đúng cái gọi là giáo dục toàn diện”. Bởi nhà trường không chỉ “đào tạo tri thức”, giáo dục “nhân cách, lý tưởng”, mà còn quan tâm “rèn luyện sức khỏe”... (Nguyễn Văn Xuân, 1970). Nguyễn Văn Xuân nhấn mạnh rằng, phong trào Duy Tân đã thực hiện được “một cải cách lớn trong giáo dục của ta”. Bởi trước đó, gần như từ con số không mà chỉ trong khoảng thời gian từ năm 1905 đến năm 1908 phong trào đã phát triển rộng khắp với rất nhiều nông hội, thương hội, trường học,... Chỉ tính riêng ở Quảng Nam đến năm 1908 đã có 40 trường Tân học nhằm giáo dục những con người có tư tưởng yêu nước, có hiểu biết về trí tuệ gắn với đời sống vật chất và tinh thần, có hiểu biết về dân quyền,... Hoạt động giáo dục ấy vừa có lý thuyết vừa có thực hành, thậm chí có “các trường ứng dụng nguyên tắc thả học thả canh là vừa làm ruộng vừa học”. Có các thương hội làm ăn khấm khá, lấy tiền để đầu tư cho các trường học. Trong các buổi học, không chỉ dạy chữ, dạy kinh nghiệm sản xuất, làm ăn, mà còn có tập thể dục và hát: “giờ thể dục; giữa buổi tập, vào lúc nghỉ cũng có hát”. Dù chưa thật sự bài bản, bởi gọi là hát chứ thật ra là đọc lớn, ngâm nga những bài ca ái quốc, ca Duy Tân,... Qua đó, “hát không phải chỉ để giải trí mà còn để phấn khích tinh thần ái quốc của học sinh” (Nguyễn Văn Xuân, 1970).

Một khía cạnh của giáo dục toàn diện khá thú vị của phong trào Duy Tân mà học giả nhấn mạnh, ấy là không chỉ toàn diện về nội dung mà còn toàn diện cả về học sinh và giáo viên. Theo Nguyễn Văn Xuân, tiêu biểu và kiểu mẫu phải kể đến trường Phú Lâm (nay thuộc

xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam) do Lê Cơ lập trong năm 1905 - 1906. Điều đặc biệt nhất của trường này là “có cả một lớp dành riêng cho nữ sinh” và có “hai nữ giáo sư: Cô Mười và cô Bảy Lệ” (Nguyễn Văn Xuân, 1970). Theo hiểu biết của nhà Quảng học thì đó là lớp dành cho nữ sinh đầu tiên và hai nữ giáo sư đầu tiên của miền Trung và miền Bắc (vì ông không rõ ở Sài Gòn đã có chưa).

Bên cạnh việc bàn về giáo dục toàn diện qua *Phong trào Duy Tân*, Nguyễn Văn Xuân cũng đề cập vấn đề này ở miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 qua bài viết *Một thiếu sót lớn trong giáo dục Việt Nam: giáo dục kịch nghệ*. Ông cho rằng, nền giáo dục miền Nam thời ấy có rất nhiều khiếm khuyết, rằng: “Giáo dục của ta thực sự chưa phải giáo dục (éducation) mà mới chỉ là học vấn (instruction). Mà xét cho đúng, ta chỉ mới học chứ chưa vấn. Ta học chỉ cốt để thuộc bài, để nhớ bài cho kỹ mà thi, mà đỗ. Còn cái môn hỏi nhiều khi biến thành xa xỉ phẩm ở học đường” (Nguyễn Văn Xuân, 1969). Ông cho rằng đó là nền giáo dục nặng nề, chậm chạp, tiêu cực nên nó không giúp các học sinh phát triển toàn diện được. Kết quả là sản phẩm của nền giáo dục ấy là “đào tạo mãi những tầng lớp thanh niên rù rờ, e thẹn (nên hay nói ầu, làm tàng)”, vì vậy, cần phải thay đổi, phải cải tiến nền giáo dục ấy. Nguyễn Văn Xuân nhận định về thất bại trong giáo dục ở miền Nam thời ấy: “trường học Việt Nam chỉ mới đào tạo những con người cho chính nhà trường, và đó chính là căn bản của sự thất bại trong nền giáo dục của ta” (Nguyễn Văn Xuân, 1969). Muốn khắc phục hạn chế này thì nhà trường phải chú ý đến mục đích lớn nhất là “đào tạo những con người cho cuộc đời, cho sự sống phức tạp”. Phải cho học sinh tham gia sinh hoạt, hiểu biết, tiếp xúc với cuộc sống phức tạp để qua đó mà hướng dẫn họ.

Theo Nguyễn Văn Xuân, một trong những bộ môn góp phần giúp học sinh khắc phục những hạn chế đó, chính là kịch nghệ. Qua nghiên cứu của học giả về các tài liệu tiếng Pháp thì kịch nghệ là môn học ở các cấp phổ thông của các trường Âu - Mỹ, hay như Victor Hugo cũng cho rằng, “kịch nghệ là một rèn luyện của nền văn minh”. Thời cận đại ở Trung Quốc, khi tiếp xúc với văn hóa Âu Mỹ, Lương Khải Siêu cũng chú ý kịch nghệ, cũng chủ trương đưa vào trường phổ thông. Thậm chí, bản thân Nguyễn Văn Xuân thường xem các vở kịch ở Hội An do “một trường trung tiểu học Trung-hoa (...) lớp năm, lớp tư múa và đóng các màn tiểu nhạc kịch (...) tổ chức một cách có phép tắc đến thế, được huấn luyện kỹ lưỡng đến thế” (Nguyễn Văn Xuân, 1969).

Theo sự phân tích của học giả, kịch nghệ là một nghệ thuật tổng hợp, của nhiều lĩnh vực: “kiến trúc, trang trí, ca, vũ, nhạc, diễn xuất, hóa trang...”. Chính vì là nghệ thuật tổng hợp nên nó cũng đòi hỏi sự đóng góp tổng hợp của số đông và “Đó là cơ hội thật tốt, thật cần thiết để học sinh có thể cộng tác với nhau, trao đổi, điều khiển, tập luyện và phát huy hết cả khả năng của mình” (Nguyễn Văn Xuân, 1969). Kịch nghệ giúp các em tập trên một sân khấu nhỏ để chuẩn bị cho các em ra đời sống trong một sân khấu lớn: cuộc đời. Hãy cho các em tập ăn, tập nói, tập đối đáp thích hợp với vai trò và hoàn cảnh, tập xem kịch và đọc kịch... Và quan trọng hơn, qua đó cũng sẽ giáo dục tư tưởng, tình cảm, bởi nội dung đều là các “vấn đề của họ: vấn đề lương tâm, vấn đề xã hội, vấn đề giáo dục, vấn đề đất nước...” (Nguyễn Văn Xuân, 1969). Theo học giả, muốn tăng cường giáo dục kịch nghệ thì trong dạy văn, nên bớt các tác phẩm văn tả cảnh, tả cây, tả người, bớt giảng văn nghị luận,... Bởi “Người ta có cảm tưởng ta đang đào tạo học sinh làm tiểu thuyết gia”. Thay vào đó, nên đưa các tác phẩm chèo, tuồng, kịch vào để học sinh tập ăn nói, tập thể hiện tình cảm, chính kiến, tập cảm thông, hòa đồng

với nhau... Điều đó “rất cần cho các em để dùng ngay trong lớp, với bè bạn, thầy giáo, với đời, để các em bạo dạn, biết diễn tả...” (Nguyễn Văn Xuân, 1969).

Theo Nguyễn Văn Xuân, xã hội miền Nam giai đoạn 1954 -1975 thì phim ảnh đang tác động rất lớn tới toàn xã hội. Ông cho rằng chính nhờ bộ môn tuồng và cải lương “mà còn giữ lại được những quần chúng đông đảo chưa bị phim ảnh tàn hại của Tây phương thu hút để bắt chúng ta phải tôn thờ triết lý đế quốc, triết lý tiền bạc, triết lý súng lục, triết lý dâm dăng, triết lý da trắng của Âu Mỹ. Chính ở bộ môn này còn gợn lên trong lòng quần chúng miền Nam niềm tin ở tiếng nói dân tộc, ở âm nhạc dân tộc, ở những nguyên tắc đạo lý dân tộc” (Nguyễn Văn Xuân, 1969). Vì vậy, phải đưa kịch nghệ vào trường học thì mới nâng tầm, phát triển kịch nghệ và phim ảnh lên được. Khi được giáo dục trong trường phổ thông sẽ phát hiện ra các tài năng trong lĩnh vực kịch nghệ để đào tạo phát triển; bên cạnh đó cũng nâng cao thị hiếu, sự am hiểu, sự yêu thích của các em với vai trò là người thưởng thức, là khán giả. Ngược lại, nếu không nâng tầm, phát triển kịch nghệ và phim ảnh lên được “thì phim ảnh ngoại quốc ồ ạt đổ vào để tự do truyền cảm và giáo dục thanh thiếu niên ta bằng một nền văn hóa đế quốc, hiếu chiến, đồi trụy...” (Nguyễn Văn Xuân, 1969). Nguyễn Văn Xuân lo lắng cho rằng, “Phải đưa ngay kịch nghệ vào học đường! Đã quá muộn rồi. (...) Kịch nghệ không thực hiện nổi tất cả các phương diện ấy, nhưng sẽ góp phần không nhỏ vào tất cả các phương diện đào tạo con người toàn diện” (Nguyễn Văn Xuân, 1969). Ông bàn về kịch nghệ ở đây không chỉ là thể loại kịch hiện đại của phương Tây, mà là nói chung về các môn văn học trình diễn đã có từ trước ở ta như chèo, tuồng, cải lương và các môn kịch nghệ hiện đại sau này...

### **3. Ý nghĩa và vấn đề đặt ra hiện nay**

Luận điểm của Nguyễn Văn Xuân về thực học và giáo dục toàn diện trong các tác phẩm viết từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX đến nay vẫn còn mang tính thời sự. Tất nhiên, không phải tất cả đều hoàn toàn đúng đắn, vẫn còn những nhận định có phần cực đoan, vẫn còn những luận điểm thiếu tính lịch sử cụ thể, song tổng quát vẫn có sự hợp lý nhất định. Nhiều suy tư, trăn trở của ông về những thiếu sót, khiếm khuyết trong giáo dục Việt Nam từ rất lâu đến nay vẫn còn hiện hữu. Đó là căn bệnh quá trọng bằng cấp, ham thành tích, xa rời thực tế, “học để làm quan”. Sức ỳ của những thói quen, nếp nghĩ, tập quán cũ không tốt vẫn tác động không nhỏ đến hiện tại. Tâm lý quá trọng bằng cấp, ham thành tích đã bị nêu ra rất nhiều nhưng vẫn khó khăn trong khắc phục. Nhiều bậc cha mẹ, thầy cô vẫn cố gắng khuyên bảo, đầu tư, dạy dỗ, và thậm chí ép buộc con cái học ngày học đêm để đạt giải thưởng và các văn bằng, chứng chỉ. Thực tế nhiều kiến thức trong nhà trường vẫn bị xã hội, cộng đồng doanh nghiệp đánh giá là có khoảng cách lớn, chưa phù hợp với thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, sau khi được đào tạo trong nhà trường để đáp ứng được công việc cần có quá trình đào tạo lại và tự đào tạo. Quả như Nguyễn Văn Xuân nhận định, nền giáo dục vẫn còn tạo ra “những con vẹt, con mọt vĩ đại” tiếp tục “nhai nuốt hàng loạt cuốn sách để chiếm cho được một mảnh bằng” nhưng “không ứng dụng được trong thế giới muốn phát triển”.

Chương trình, sách giáo khoa phổ thông dù đã nhiều lần đổi mới song vẫn bị xã hội đánh giá là thiếu toàn diện, quá nặng truyền thụ kiến thức. Nhiều học sinh phổ thông phải đầu tư công sức rất lớn, không chỉ học chính khóa, còn phải học thêm, học ngoài giờ, đến mức tai ù, mắt cận mới có thể nắm được những kiến thức chuyên sâu đó. Tuy nhiên, cuộc sống đòi hỏi những thế hệ này phải học lại, học thêm những kiến thức phổ thông, đời thường vì “đào

tạo những con người cho chính nhà trường” chứ chưa đào tạo được “những con người cho cuộc đời, cho sự sống phức tạp”. Kết quả là học sinh, sinh viên ra trường, vẫn có một bộ phận “ù ù, cạc, cạc”, “rù rờ, e thẹn”..., dù không biết cũng không dám hỏi. Vì ít được thảo luận, vì ngại tranh luận, nên họ khó dùng lời nói, cử chỉ để diễn tả hết ý tưởng của mình, nên một số “hay nói ầu, làm tàng”.

Hiện nay, nhiều nhà giáo dục thường nói về việc lấy học sinh làm trung tâm, điều này đã được Nguyễn Văn Xuân quan niệm và đề cập từ thập kỷ 60, 70 của thế kỷ XX. Ông rất coi trọng năng lực của người học, muốn phát huy tốt các khả năng của học sinh. Ông cho rằng, “Học sinh bao giờ cũng có những khả năng đặc biệt nhưng thường không có cơ hội phát triển. (...) không có một bài học nào của nhà trường ích lợi hơn bài học do chính tự học sinh cố gắng thực nghiệm mang lại” (Nguyễn Văn Xuân, 1969). Theo ông, nhà trường cần trao cơ hội cho các em, cần để các em tự tổ chức một vở kịch thì họ sẽ phải tìm hiểu những gì mình làm, mình nói, sẽ tự phát biểu được tình cảm và tư tưởng, sẽ tự tìm cách giải quyết những vướng mắc đặt ra, từ đó góp phần “đào tạo những con người cho cuộc đời, cho sự sống phức tạp chứ không phải cho nhà trường”.

Kịch nghệ có thể giúp cho các em tập ăn nói, tập diễn tả tư tưởng, tình cảm, tập đối đáp, trao đổi, thảo luận, tranh luận,... Những điều đó rất cần được rèn luyện trong nhà trường để khi ra đời các em sớm hòa nhập hơn. Nguyễn Văn Xuân cho rằng, ngay đến cả “học sinh ban C mà ù ù, cạc cạc trước một vở kịch thì thật là chúng ta có lỗi lớn với họ. Thế mà họ đều không biết gì hết!” (Nguyễn Văn Xuân, 1969). Và vì thế, các bộ môn nghệ thuật truyền thống gắn với kịch như chèo, tuồng, cải lương dù rất đặc sắc, mang tâm hồn, bản sắc dân tộc Việt cũng không được mọi người hiểu biết, yêu thích. Bởi mọi người ít hiểu, ít tập thì làm sao phát hiện được tài năng để mà phát triển. Người xem cũng ít hiểu về kịch bản, nắm bắt không vững các động tác, tình tiết, kịch biến, thắt, mở... của vở kịch nên cũng chẳng buồn xem, thậm chí còn lớn tiếng chê bai. Và cũng vì vậy mà chèo, tuồng, cải lương rất khó duy trì chứ nói gì phát triển. Kịch cũng chậm phát triển thì bộ môn gắn gũi và gắn bó với nó là phim ảnh cũng chậm phát triển theo. Khi đó ta phải nhường sân chơi, màn hình cho các nền kịch nghệ, phim ảnh, giải trí của các nước phát triển hơn (phim Trung Quốc, phim Hàn, phim Mỹ, phim Ấn,...) vì đang đáp ứng tốt hơn nhu cầu thưởng thức của nhân dân.

Hiện nay, những người có trọng trách trong quản lý lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam đã nhận thức rõ điều này, và đang quyết tâm đổi mới “căn bản và toàn diện”. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chính phủ đã thành lập Ủy ban Quốc gia Đổi mới giáo dục và đào tạo; Ủy ban nhân dân các tỉnh đã thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo,... Các khâu của quá trình đổi mới đang được tích cực thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo kế hoạch, năm 2020 sẽ chính thức áp dụng chương trình, sách giáo khoa mới cho lớp 1. Mới đây, ngay đầu năm học 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã tổ chức hội nghị “Nâng cao chất lượng giáo dục nghệ thuật trong trường học”. Bộ trưởng đương nhiệm đã phát biểu khẳng định: “những môn quan trọng để phát triển toàn diện con người thì chúng ta bỏ quên”; giáo dục nghệ thuật có vai trò quan trọng trong hình thành nhân cách học sinh, nên không thể xem là môn phụ (Thanh Hùng, 2019).

#### 4. Kết luận và hàm ý

Tinh thần đề cao thực học và giáo dục toàn diện của Nguyễn Văn Xuân đến nay vẫn còn giá trị, tính thời sự. Học giả đã phê phán lối học từ chương, xa rời thực tế, quá trọng bằng cấp, “học để làm quan”, qua đó, nhằm đề cao sự học giúp con người hòa nhập với cuộc sống phức tạp, học để có kiến thức, để thành tài, để phát triển nông, công, thương, để dựng nước và giữ nước. Có như vậy, đất nước ta mới phát huy được nhân tố con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh mới.

Trong giáo dục nghệ thuật, thiết nghĩ, những nhà quản lý lĩnh vực giáo dục và lĩnh vực nghệ thuật cần quan tâm sâu hơn về các nghệ thuật tuồng, chèo, cải lương, kịch nghệ, phim ảnh, qua đó nhấn mạnh hơn vai trò của các bộ môn ấy trong thực hiện nền giáo dục toàn diện. Như Nguyễn Văn Xuân khẳng định: vai trò của giáo dục kịch nghệ rất quan trọng với “Đời Sống Mới”, “sẽ góp phần không nhỏ vào tất cả các phương diện đào tạo con người toàn diện”. Bởi muốn đưa các bộ môn này vào nhà trường phổ thông, cần có lộ trình dài hạn cả về đào tạo đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu, xây dựng bổ sung vào chương trình, sách giáo khoa các cấp. Khi đưa được kịch nghệ và các bộ môn nghệ thuật liên quan vào được trường phổ thông, chúng ta sẽ phát hiện được nhiều tài năng của các lĩnh vực này để đào tạo phát triển, mặt khác, sẽ đào tạo được khán giả, người thưởng thức am hiểu tuồng, chèo, cải lương, kịch nghệ, phim ảnh. Qua đó góp phần nâng cao kỹ năng sống, kỹ năng thuyết trình và biểu hiện ngôn ngữ của người học. Đồng thời là cơ sở để chúng ta gìn giữ được các bộ môn chèo, tuồng, cải lương truyền thống và phát triển được kịch, phim...

#### Tài liệu tham khảo

Đặng Thị Mỹ Phương và Trịnh Huệ Mẫn. (2018). Giáo dục toàn diện cho học sinh tiểu học trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Giáo dục*, 421, 1-3&64.

Đoàn Lê Giang. (2016). *Đối với khoa học, cái đúng của nó làm sao mà chết được*. Truy xuất từ [https://vnuhcm.edu.vn/tin-tuc\\_32346864/pgs-ts-doan-le-giang-doi-voi-khoa-hoc-cai-dung-cua-no-lam-sao-ma-chet-duoc/313137316864.html](https://vnuhcm.edu.vn/tin-tuc_32346864/pgs-ts-doan-le-giang-doi-voi-khoa-hoc-cai-dung-cua-no-lam-sao-ma-chet-duoc/313137316864.html), ngày 17/06/2016.

Lại Nguyên Ân. (2019). *Về tác giả Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Văn Xuân toàn tập*, Tập 1. Nxb Hội Nhà văn. Hà Nội. Trang 14-56.

Nguyễn Văn Xuân. (1969). Một thiếu sót lớn trong giáo dục Việt Nam: giáo dục kịch nghệ. *Tạp chí Tân Văn*, 18&19, 61-80.

Nguyễn Văn Xuân. (1970). *Phong trào Duy Tân*. Nxb Lá Bối. Sài Gòn.

Nguyễn Văn Xuân. (2010). *Bản sắc dân tộc ứng dụng vào đổi mới. Nguyễn Văn Xuân - một người Quảng Nam*. Tạp chí Xưa & Nay và Công ty TNHH Sách Phương Nam xuất bản, 7-14.

Nguyễn Văn Xuân. (2011). Từ ngữ phụng tế phi đến ngữ phụng bắt tế phi. *Nguyễn Văn Xuân - Sức sống văn hoá xứ Quảng*. Nxb. Hội Nhà văn. Hà Nội. Trang 315-318.

Thanh Hùng. (2019). *Đừng coi giáo dục nghệ thuật như rau thom*. Truy xuất từ <<https://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/nguoi-thay/bo-truong-phung-xuan-nha-khong-coi-giao-duc-nghe-thuat-chi-nhu-rau-thom-561008.html>>, ngày 22/8/2019.